HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 32/2014/NQ-HĐND	*Đồng Tháp, ngày 05 tháng 12 năm 2014*

NGHỊ QUYẾT
Về việc đặt mới tên đường trên địa bàn thành phố Cao Lãnh và thành phố Sa Đéc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA VIII - KỲ HỌP LẦN THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP;

Sau khi xem xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân Tỉnh về việc đặt mới tên đường trên địa bàn thành phố Cao Lãnh và thành phố Sa Đéc; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua việc đặt mới 56 tên đường trên địa bàn thành phố Cao Lãnh và 38 tên đường trên địa bàn thành phố Sa Đéc (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Uỷ ban nhân dân Tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa VIII, kỳ họp lần thứ 9 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- VPQH, VPCP (I, II), Ban Công tác Đại biểu;
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- TT/TU, TT/UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, các Phòng nghiệp vụ.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Đoàn Quốc Cường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐẶT MỚI TÊN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 05 /12/2014 của HĐND Tỉnh)

STT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
1. Phường 1								
1	Lê Văn Tám	Đường Trần Phú	Đất dân	7	4	455,6	Nhựa	Đặt tên mới
2	Lê Văn Chánh	Đường 30/4	Đường Trần Hưng Đạo	7	4	1061,7	Nhựa	Đặt tên mới
3	Nguyễn Long Xảo	Đường Lê Thị Riêng	Đường Trần Hưng Đạo	7	4	213,2	Nhựa	Đặt tên mới
4	Lê Thị Cẩn	Đường Lê Thị Riêng	Đường Bùi Văn Dự	7	4	163,9	Nhựa	Đặt tên mới
5	Bùi Văn Dự	Đường Nguyễn Long Xảo	Đường Ngô Thì Nhậm	5	2	441,4	Nhựa	Đặt tên mới
6	Phan Văn Bảy	Đường Nguyễn Long Xảo	Đường Ngô Thì Nhậm	5	1	224,5	Nhựa	Đặt tên mới
7	26/3	Đường Đặng Văn Bình	Đường Tôn Đức Thắng	7	4	258,9	Nhựa	Đặt tên mới
8	Dương Văn Hòa	Đường Đặng Văn Bình	Đường Nguyễn Quang Diêu	5	3	132,1	Nhựa	Đặt tên mới

STT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
2. Phường 3								
1	Bà Triệu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Thị Hường	7	4	570	Nhựa	Điều chỉnh độ dài
2	Ngô Thì Nhậm	Đường Bà Triệu (P2)	Đường Chi Lăng	10,5	6	250	Nhựa	Điều chỉnh độ dài
3	Phạm Thị Uẩn	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	7	4	680	Nhựa	Đặt tên mới
4	Huỳnh Văn Ninh	Đường Bà Triệu	Tiếp giáp đê bao (đất dân)	5,5	3	194	Nhựa	Đặt tên mới
5	Trần Văn Thưởng	Đường Bà Triệu	Đường Phan Thị Thoại	5,5	3	194	Nhựa	Đặt tên mới
6	Nguyễn Văn Mười	Đường Lê Thị Hường	Đường Chi Lăng	7	4	313	Nhựa	Đặt tên mới
7	Phan Thị Huỳnh	Đường Huỳnh Văn Ninh	Đường Lê Thị Hường	5,5	3	565	Nhựa	Đặt tên mới
8	Phan Thị Thoại	Đường Lê Thị Hường	Đường Trần Văn Thưởng	5,5	3	372	Nhựa	Đặt tên mới
9	Bùi Văn Chiêu	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Huỳnh Văn Ninh	5,5	3	163	Nhựa	Đặt tên mới
10	Lê Thị Hường	Đường Chi Lăng	Đường Nguyễn Văn Mười	7	4	428	Nhựa	Đặt tên mới
3. Xã Hòa An								

STT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
1	Huỳnh Thúc Kháng	Cống Bà Phàn (giáp ranh phường Hòa Thuận)	Lộ Hòa Tây	3,5	1	1.400	Dal	Điều chỉnh độ dài
2	Bùi Hữu Nghĩa	Giáp ranh P4	Lộ Hòa Tây	3,5	1	2.800	Dal	Điều chỉnh độ dài
3	Cái Tắc – Thông Lưu	Đường Bà Huyện Thanh Quan (Ngã 3 cầu Miễu Bà)	Đường dal đi P6 (ngã 3 Cái Tắc)	3,5	1	2.500	Dal	Đặt tên mới
4	Cái Tôm	Cái Tắc – Thông Lưu (Ngã 3 cầu Miễu Bà)	Đường dal đi P6 (Cống Bà Dưng)	3	1	2.200	Dal	Đặt tên mới
5	Bà Bướm	Đường Nguyễn Hữu Kiến	Chợ Sáu Quốc	3,5	1	1.800	Dal	Đặt tên mới
6	Sáu Quốc	Đường Nguyễn Hữu Kiến	Lộ Hòa Tây (Cầu Xẻo Bèo)	3	1	1.700	Dal	Đặt tên mới
7	Nguyễn Thị Đầm	Cầu ngọn Cái Tôm (giáp ranh xã TTTây)	Đường Sáu Quốc (Ngã 3 Sáu Quốc)	3	1	1.800	Dal	Đặt tên mới
8	Cái Sâu	Kênh Hòa Đông (tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng – Hòa Thuận)	Lộ Hòa Tây (Cầu nhân tạo)	3,5	1	1.900	Nhựa	Đặt tên mới
9	Ông Đá	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Giáp ranh ấp Hòa Mỹ (Ngã 4 rạch Ông Đá)	3,5	1	1.300	Dal	Đặt tên mới
10	Đỗ Văn Y	Lộ Hòa Tây	Đê bao (tiếp giáp đất dân)	5,5	4	310	Nhựa	Đặt tên mới

STT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
11	Nguyễn Văn Hạo	Đường Phan Thị Thẩm	Đường Ngô Thị Giềng	3,5	4	310	Nhựa	Đặt tên mới
12	Trần Bá Lê	Lộ Hòa Tây	Đê bao (tiếp giáp đất dân)	5,5	4	400	Nhựa	Đặt tên mới
13	Phan Thị Bảy	Đường Phan Thị Thẩm	Đường Ngô Thị Giềng	3,5	4	310	Nhựa	Đặt tên mới
14	Đinh Thị Đảnh	Lộ Hòa Tây	Đê bao (tiếp giáp đất dân)	3,5	4	375	Nhựa	Đặt tên mới
15	Phan Thị Thẩm	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Đinh Thị Đảnh	3,5	4	310	Nhựa	Đặt tên mới
16	Lê Kim Hạnh	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Đinh Thị Đảnh	3,5	4	375	Nhựa	Đặt tên mới
17	Ngô Thị Giềng	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Đinh Thị Đảnh	3,5	4	375	Nhựa	Đặt tên mới
4. Xã Mỹ Trà								
1	Quãng Khánh	Cầu Quãng Khánh (ngã 4 Quãng Khánh)	Ngã 3 Vườn Ông Huề	3,5	2	2.400	Dal	Đặt tên mới
2	Lê Duẩn	Cầu Rạch Chanh	Cầu Bà Vại (tiếp giáp đường Mai Văn Khải)	7	4	600	Nhựa	Điều chỉnh độ dài
3	Nguyễn Văn Dình	Cầu Bà Vại (Lê Duẩn)	Ngã 3 Vườn Ông Huề	2,5 - 3,5	1	3.800	Dal, nhựa	Đặt tên mới
4	Trịnh Thị Cánh	Cầu Rạch Chanh (Lê Duẩn)	Cầu Mương Khai (Lê Đại Hành)	3	1	1.900	Dal, đất	Đặt tên mới

STT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
5	Cái Môn	Cầu Quãng Khánh (Lê Đại Hành)	Ngã 3 Vườn Ông Huề	3	1	5.000	Dal, đất	Đặt tên mới
6	Phạm Thị Nhị	Cầu Quãng Khánh (Lê Đại Hành)	Cầu Mương Khai (Lê Đại Hành)	2,5	1	1.806	Dal	Đặt tên mới
7	Phạm Văn Thưởng	Cầu Mương Khai (Lê Đại Hành)	Cầu Kinh Hội Đồng (đường Cái Môn)	3	1	2.500	Đất	Đặt tên mới
8	Mương Khai	Cầu Mương Khai (Lê Đại Hành)	Cầu Kinh Hội Đồng (đường Cái Môn)	3	1	2.200	Đất	Đặt tên mới
9	Hồ Văn Thanh	Đường nội bộ khu dân cư (tiếp giáp trường Nguyễn Tú)	Đê bao (tiếp giáp đất dân)	3,5	4	425	Nhựa	Đặt tên mới
10	Nguyễn Văn Nhân	Đường nội bộ khu dân cư (tiếp giáp trường Nguyễn Tú)	Đê bao (tiếp giáp đất dân)	3,5	4	425	Nhựa	Đặt tên mới
11	Hồ Văn Hai	Đường Lê Văn Phương	Đường Phan Văn Đời	5	4	200	Nhựa	Đặt tên mới
12	Lê Văn Phương	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Văn Phụng	3,5	4	100	Nhựa	Đặt tên mới
13	Phan Văn Đời	Đường Lê Duẩn	Đường Đặng Văn Nghĩa	3,5	4	155	Nhựa	Đặt tên mới
14	Lê Văn Ngạng	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Văn Phụng	3,5	4	109	Nhựa	Đặt tên mới
15	Nguyễn Văn Sổ	Đường Lê Duẩn	Đường Đặng Văn Nghĩa	3,5	4	160	Nhựa	Đặt tên mới

STT	Tên đường	Điểm đầu tiếp giáp	Điểm cuối tiếp giáp	Chiều rộng		Chiều dài (m)	Kết cấu mặt đường	Ghi chú
				Rộng mặt đường (m)	Rộng lề đường (m)			
16	Phan Hồng Thanh	Đường Lê Duẩn	Đường Đặng Văn Nghĩa	3,5	4	109	Nhựa	Đặt tên mới
17	Hồ Văn Tần	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Văn Phụng	3,5	4	180	Nhựa	Đặt tên mới
18	Nguyễn Hữu Nghĩa	Đường Nguyễn Văn Thảo	Đường Đặng Văn Nghĩa	3,5	4	125	Nhựa	Đặt tên mới
19	Trần Văn Phụng	Đường Lê Văn Phương	Đường Nguyễn Hữu Nghĩa	5	4	356	Nhựa	Đặt tên mới
20	Đặng Văn Nghĩa	Đường Phan Văn Đời	Đường Nguyễn Hữu Nghĩa	7	4	356	Nhựa	Đặt tên mới
21	Nguyễn Văn Thảo	Đường Lê Duẩn	Đê bao (tiếp giáp đất dân)	7	4	148	Nhựa	Đặt tên mới

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐẶT MỚI TÊN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 05 /12/2014 của HĐND Tỉnh)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Loại đường			Ghi chú
				Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Kết cấu mặt đường	
1. Phường 1							
1	Nguyễn Hữu Cảnh	Đ.Nguyễn Sinh Sắc	Đ.Lý Thường Kiệt	263	16	Bê tông nhựa	
2	Tôn Thất Tùng	Đ.Trần Thị Nhượng	Giáp Khu dân cư	155	5	Láng nhựa	
3	Lê Thị Riêng	Đ.Nguyễn Tất Thành	Đ.Trần Phú	465	5,5	Bê tông cốt thép	Chuẩn bị thi công
4	Lê Thị Hồng Gấm	Đ. Nguyễn Tất Thành	Đ. Lê Thị Riêng (dự kiến)	300	5,5	Bê tông nhựa	Chuẩn bị thi công
5	Nguyễn Thái Học	Đ.Trần H. Đạo	Đ.Hùng Vương	219	5	Láng nhựa	
2. Phường 2							
1	Phạm Ngọc Thạch	Nhà thờ Hòa Khánh	Bờ sông Sa Đéc - Đường Chùa	2042	3-6	Láng nhựa	
2	Nguyễn Trung Trực	Đ. Nguyễn Sinh Sắc	Rạch Bình Tiên	423	5,5-28	Bê tông cốt thép	
3	Võ Văn Phát	ĐT 848	Đ. Hùng Vương	1.490	9	Bê tông nhựa	Đã quy hoạch
4	Cao Bá Quát	Quốc lộ 80	Đường nối khu A	211	9	Láng nhựa	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Loại đường			Ghi chú
				Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Kết cấu mặt đường	
5	Trương Định	Quốc lộ 80	Đường nối khu B	323	14	Láng nhựa	
3. Phường 3							
1	Hoàng Sa	Đ. Vườn Hồng	Bờ đập phường 3		5	Bê tông cốt thép	Chuẩn bị thi công
2	Phan Văn Út	Đ.Lý Tự Trọng	Đ. Phan Văn Út	50	6	Láng nhựa	
		Đ. Lê Lợi	Đ. Trần Văn Voi	398	3-5	Láng nhựa	
3	Võ Văn Tần	Đ. Lê Lợi	Bờ sông Tiền	428	7-22	Láng nhựa	
4. Phường 4							
1	Trường Sa	Bờ đập phường 4	Rạch Cái Đôi		5	Bê tông cốt thép	Đã quy hoạch
2	Ngô Văn Hay	Đ. Trần Văn Voi	ĐT 852 (dự kiến)	191	7	Láng nhựa	
5. Phường An Hòa							
1	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Thái Bình	Đal Công viên	575	7	Láng nhựa	
2	Võ Trường Toản	Đ.Nguyễn Sinh Sắc	ĐT 848	295	5	Láng nhựa	
3	Nguyễn Thiện Thuật	Cầu Nàng Hai THĐ	Đ. Trần Phú (cầu Đốt)	2.720	3	Bê tông nhựa	
4	Đinh Công Tráng	Cầu Nàng Hai THĐ	Đ. Trần Phú (cầu Đốt)	2.776	2,5	Bê tông cốt thép	
5	Đào Duy Từ	ĐT 848	Rạch Hai Đường	727	3,5	Bê tông cốt thép	
6	Nguyễn Chí Thanh	ĐT 848	Rạch Cao Mên trên	827	18	Bê tông nhựa	
7	Phan Đình Phùng	ĐT 848	Rạch Cao Mên dưới	399	10	Láng nhựa	
6. Phường Tân Qui Đông							

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Loại đường			Ghi chú
				Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Kết cấu mặt đường	
1	Nguyễn Bỉnh Khiêm	Cầu 7 Hòa	Lê Lợi	774	3	Bê tông nhựa	
2	Nguyễn Khuyến	Đ. Ngã 3 Thông Lưu	Lê Lợi	812	3	Bê tông nhựa	
3	Bùi Thị Xuân	ĐT 848	Đ. Thông lưu	1.376	4-5	Láng nhựa	
4	Thủ Khoa Huân	Nhà ông 3 Chấn (dự kiến đường nối với cầu Ông Quế, TKĐ)	Cầu Tứ Quý	1.500	3	Bê tông cốt thép	
5	Thiên Hộ Dương (tức Võ Duy Dương)	Cổng Tập đoàn 5 ranh TKĐ	Cầu Tứ Quý	1.721	3	Bê tông cốt thép	
6	Cao Thắng	Cầu Cai Dao	Rạch Cái Sơn	1.611	3	Bê tông nhựa	
7	Nguyễn An Ninh	Cầu Cái Sơn	Đ. Cai Dao-Cái Sơn	1.466	3	Bê tông cốt thép	
8	Thi Sách	Sa Nhiên Ông Thung	Nhà Ông Hải giao với đường Cai Dao phải	503	3	Bê tông cốt thép	
9	Đoàn Thị Điểm	Cầu Sa Nhiên	Nhà ông Chiến rạch Cai Dao	1.575	5,5	Bê tông cốt thép	
10	Trần Khánh Dư	Đ. S Nhiên-Mù U	Cầu Cai Dao	2.289	3	Bê tông cốt thép	
11	Phùng Khắc Khoan	Cầu Sa Nhiên	Cầu Ông Thung	1.000	3	Bê tông cốt thép	
12	Phạm Hồng Thái	Đ. Lê Lợi (kho Trọng Tuấn)	Cầu Ông Thung + ĐT 848 + Cảng vụ ĐT	1.629	3-5	Bê tông cốt thép + nhựa	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Loại đường			Ghi chú
				Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Kết cấu mặt đường	
13	Trần Quang Khải	Cầu Cai Dao	Cầu Cái Sơn	1.877	5	Bê tông cốt thép	
14	Ngô Quyền	ĐT 848	Khu Công nghiệp C, Trạm cấp nước Sa Đéc	380	7	Láng nhựa	
15	Đường Hoa Sa Đéc	ĐT 848 (Cửa hàng 7 Tốt)	Cầu Cai Dao	2.300	5,5	Bê tông nhựa	Đang thi công
7. Xã Tân Phú Đông							
1	Lê Hồng Phong	Quốc lộ 80	Cầu Thủ Điềm	2.159	5	Láng nhựa	